

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày 18-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Võ Phương Trang và Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: ông Chiêm Tiên Quý Nhân-Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Mã Văn Thuận-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 432/2023/TLST-HS, ngày 07 tháng 12 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ánh S E, sinh ngày 25/12/1990, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở: Ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ánh H (chết) và bà Hồ Thị P; có vợ và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 17/9/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng 25 ngày tù về “Tội cướp giật tài sản (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 17/9/2008 và bị kết án sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này nên không được xem xét án tích); ngày 11/4/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về “Tội cướp giật tài sản (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 11/02/2014 và bị kết án sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này nên không được xem xét án tích); bị tạm giữ ngày 14-6-2023 (đầu thú theo quyết định truy nã), tạm giam ngày 23-6-2023 “có mặt”.

*Bị hại: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981. Nơi thường trú và cư trú: nhà số A, đường P, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 16/12/2005, tên Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki, loại Sport, biển số 63K4-5371 chạy trên đường gặp Nguyễn Ảnh S E nên rủ E đi tìm tài sản giật lấy bán kiếm tiền tiêu xài thì Em đồng ý. Lúc khoảng 13 giờ cùng ngày, cả 02 đến trước nhà số G, đường T, phường B, quận B thì tên T nhìn thấy anh Mai Quốc S1 đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 66K9-3504 chở chị Nguyễn Thị Đ có ôm 01 túi xách (bên trong có: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 máy tính hiệu Casio, 01 cuốn sổ ghi bán hàng và số tiền 200.000 đồng) chạy phía trước cùng chiều nên tên T chỉ cho E thấy và kêu giật cái túi xách của chị Đ rồi điều khiển xe chạy lên áp sát bên trái xe anh S1, còn E ngồi sau dùng tay phải giật được cái túi xách của chị Đ thì tên T tăng ga xe bỏ chạy tẩu thoát. Khi đó, anh S1 và chị Đ vừa tri hô lên, vừa chạy đuổi theo thì được anh Phan Văn T1 cùng người dân xung quanh hỗ trợ bắt giữ được cả 02 cùng với vật chứng giao cho Công an phường B xử lý người có hành vi phạm tội quả tang. Sau khi làm việc xong, Công an phường B cho E về để củng cố thêm hồ sơ, còn tên T bị giữ lại chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 19/12/2005, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, bị can và tạm giam đối với tên T; ngày 27/12/2005, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Em và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam ngày 23/01/2006, nhưng do E đã bỏ trốn nên ngày 03/3/2006, ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và truy nã Em.

Đối với tên Nguyễn Thành T, đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 sáu về “Tội cướp giật tài sản” (khi phạm tội đủ 14 tuổi dưới 16 tuổi), theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 1628/2006/HSST, ngày 05/12/2006. Riêng Nguyễn Ảnh S E đến ngày 14/6/2023 mới ra Công an phường B, quận B đầu thú chuyển giao cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, Em đã khai nhận toàn bộ hành vi như vừa mới nêu và tuy trong lúc bỏ trốn, E còn nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội khác và đã bị kết án, nhưng không có khai ra hành vi này nên chưa bị xử lý. Về định giá tài sản, do phần tài sản của chị Đ là 01 cái túi xách không rõ đặc điểm, nhãn hiệu; 01 máy tính Casio thì đã qua sử dụng, không rõ đặc điểm; còn 01 cuốn sổ cũng không rõ đặc điểm nên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận B có Công văn số: 320/HĐĐGTS, ngày 19/9/2023 từ chối thực hiện định giá tài sản theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Ảnh Sang E1 đã khai nhận: Do đang trong lúc cần có tiền tiêu xài mà khi tên Nguyễn Thành T rủ đi tìm tài sản để giật lấy bán nên bị cáo liền đồng ý. Sau đó, tên T điều khiển chiếc xe mô tô chở bị cáo chạy đi cho đến khi tên T nhìn thấy: anh Mai Quốc S1 đang điều khiển xe mô tô chở chị Nguyễn Thị Đ có ôm 01 túi xách (bên trong có: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 máy tính hiệu Casio, 01 cuốn sổ ghi bán hàng và số tiền 200.000 đồng) chạy phía trước cùng chiều nên tên T chỉ cho bị cáo thấy và kêu giật túi xách của chị Đ rồi điều khiển xe chạy lên áp sát bên trái xe anh S1, còn bị cáo dùng tay phải giật được cái túi xách này thì tên T tăng ga xe bỏ chạy tẩu thoát.

Nhưng chỉ chạy được khoảng 100 mét do xe bị tắt máy nên cả 02 bị bắt giữ cùng với vật chứng giao cho Công an giải quyết nên nay bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, không có ý kiến gì về giá trị tài sản đã chiếm đoạt của chị Đ, trách nhiệm dân sự và việc giải quyết vật chứng.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ảnh S E ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: Bị cáo Nguyễn Ảnh Sang E1 đã có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt trái phép tài sản là 01 túi xách bên trong có 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 máy tính hiệu Casio, 01 cuốn sổ ghi bán hàng và số tiền 200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Đ một cách công khai rồi tẩu thoát và đã sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi này nên được coi là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã ra đầu thú, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu; đồng khi phạm tội, bị cáo đủ 14 tuổi dưới 16 tuổi nên còn phải áp dụng chế định người chưa thành niên phạm tội để xử lý đối với bị cáo. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng, đã được giải quyết xong nên không có ý kiến.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Nguyễn Anh S Em tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Vào khoảng 13 giờ ngày 16/12/2005, bị cáo đã có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt trái phép tài sản là 01 túi xách bên trong có 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 máy tính hiệu Casio, 01 cuốn sổ ghi bán hàng và số tiền 200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Đ tại trước nhà số G, đường T, phường B, quận B một cách công khai rồi tẩu thoát. Theo Công văn số: 320/HĐĐGTS, ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận B trả lời từ chối thực hiện định giá tài sản do không đủ thông tin và điều kiện cần thiết về tài sản yêu cầu định giá của Cơ quan điều tra và đồng thời, bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô biển số 63K4-5371 làm phương tiện thực hiện hành vi này nên được coi là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Xét, do hành vi của bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 và điều khoản quy định về mức hình phạt của “Tội cướp giật tài sản” được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 so với điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì không có lợi gì cho bị cáo nên cần phải áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo theo quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Do đó, bị cáo Nguyễn Anh Sang E1 đã phạm “Tội cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và tên Nguyễn Thành T trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được...nên đã đủ chứng cứ buộc tội bị cáo và một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận; riêng phần đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù là chưa xem xét đến tình tiết khi phạm tội bị cáo đủ 14 tuổi dưới 16 tuổi, dẫn đến mức án đề nghị như vậy là quá nặng nên không chấp nhận. Còn đối với tên Nguyễn Thành T đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 1628/2006/HSST, ngày 05/12/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên nay không xét.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, khá táo bạo, liều lĩnh và xem thường pháp luật; đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt trái phép tài sản một cách công khai ngay trên đường phố giữa ban ngày là không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân; đồng thời trong lúc bỏ trốn truy nã, bị cáo còn đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội khác và bị kết án nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng nhân thân của bị cáo thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay: bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải và đã ra đầu thú nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời khi phạm tội, bị cáo đã đủ 14 tuổi, dưới 16 tuổi nên còn được áp dụng chế định người chưa thành niên phạm tội để xử lý đối với bị cáo theo quy định tại Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng*”. Nhưng do khi phạm tội, bị cáo chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã được giải xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 1628/2006/HSST, ngày 05/12/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không xét.

[7] Bị cáo Nguyễn Ánh S Em phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ điều luật và xử phạt:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ánh S E 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14-6-2023.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ánh S E phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Anh S E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- VKSND Q.BT;
- CQĐT-CA Q.BT;
- Nhà tạm giữ-CA Q.BT;
- Chi cục THA DS Q.BT;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác (nếu có);
- Lưu hs,Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái